TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2020
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê, ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đinh Thị Kim Y sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn 1, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Lâm Tấn S sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn 1, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3. Người làm chứng: Lâm Vĩnh N sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn 1, xã , huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim Y trình bày:*

Bà Y và ông Lâm Tấn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do gia đình bà Y không đồng ý cho đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà Y và ông S không hòa hợp được với nhau. Ông S thường dùng bạo lực với bà Y dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy không thể

tiếp tục chung sống với ông S được nữa, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà Y và ông S có 02 con chung là Lâm Vĩnh N sinh ngày 15/01/1996 và Lâm K K sinh ngày 30/6/1999. Các con đã trưởng thành và tự lập, nên bà Y không yêu cầu gì về việc nuôi con.

Về tài sản sản chung: bà Y và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/6/2020, bị đơn ông Lâm Tấn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, ông S thống nhất như bà Y trình bày. Ông S và bà Y chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã K để đăng ký, nhưng chưa hoàn tất thủ tục, nên chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống, ông S và bà Y phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau. Xét thấy, ông bà không thể tiếp tục chung sống được với nhau, ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Y.

Về con cái: ông S và bà Y có có 02 con chung là Lâm Vĩnh N sinh ngày 15/01/1996 và Lâm K K sinh ngày 30/6/1999. Các con đã trưởng thành và tự lập, nên ông S không có yêu cầu gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung: ông S và bà Y tự thỏa thuận, ông Skhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Đinh Thị Kim Y và ông Lâm Tấn S là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bà Đinh Thị Kim Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lâm Tấn S trú tại thôn 1, xã K, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề

nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Bà Đinh Thị Kim Y và ông Lâm Tấn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Bà Yến, ông Scó đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình (HNGĐ). Theo khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ thì: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật HNGĐ quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật HNGD quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con cái và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do bà Y và ông S không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật, nay bà Y yêu cầu ly hôn với ông S, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông S.

Về con cái: bà Y và ông S có 02 con chung là Lâm Vĩnh N sinh ngày 15/01/1996 và Lâm K K sinh ngày 30/6/1999. Các con của ông S và bà Y đều đã thành niên và tự lập, nên HĐXX không xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản: ông S và bà Y không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: bà Y là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Y thuộc hộ cận nghèo, bà Y có đơn yêu cầu miễn án phí, nên bà Y được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị Kim Y với ông Lâm Tấn S

2. Về án phí: bà Đinh Thị Kim Y được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Thông báo quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- UBND xã Krông Jing;
-Các đương sự.
-Lưu hồ sơ vụ án.